TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21/12/2022
(V/v: Ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tịnh; Ông Hoàng Xuân Nhật

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Sùng A Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đường.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa*:**

Bà Tô Đỗ Yến Ly - Kiểm sát viên

Ngày 21/12/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 04/2022/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2022, về việc Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lù A D1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Bản NTT, xã KH, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu. (có mặt).

Bị đơn: Chị Giàng Thị D2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản NTT, xã KH, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2022, Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lù A D1 trình bày: Anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, chỉ tổ chức cưới theo phong tục không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh D1, chị D2 chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Anh D1, chị D2 đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên anh D1 làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D2.

Về con chung: Anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 có 03 con chung là Lù Thị L, sinh ngày 15/11/2010; Lù Thị D, sinh ngày 27/7/2015; Lù A TH sinh ngày 11/12/2017. Sau khi ly hôn, anh Lù A D1 có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lù Thị D, Lù A TH đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Giàng Thị D2 sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lù Thị L đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiên nay con chung Lù Thị D, Lù A TH, Lù Thị L đang sống cùng anh D1. Hiện anh D1 ở nhà riêng và làm ruộng thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lù A D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/10/2022 bị đơn chị Giàng Thị D2 trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh D1 đúng như anh D1 đã trình bày, chị D2 và anh D1 đã ly hôn từ đầu năm 2020 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D1 xin ly hôn chị đồng ý ly hôn. Hiện chị D2 không mang thai hay nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Về con chung, chị D2 có nguyên vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lù Thị D, Lù A Tành, Lù Thị L đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị D2 ở cùng nhà với mẹ ruột và làm ruộng thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Giàng Thị D2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 10 năm 2022 của cháu Lù Thị L, Lù Thị D thể hiện: Cháu Linh, cháu Dinh là con chung của anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2, các cháu không có tài sản riêng. Nay anh D1, chị D2 ly hôn cháu Dinh có nguyện vọng được ở với anh D1 và cháu Linh có nguyện vọng được ở với chị D2.

Tại biên bản xác minh ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa Tòa án nhân dân huyện Tam Đường và chính quyền địa phương xã Khun Há xác định: Anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 chung sống như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay, không đăng ký kết hôn. Anh D1 và chị D2 sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Gia đình nh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 không thuộc hộ nghèo. Mức thu nhập của các hộ thu nhập trung bình ở xã Khun Há là 36.500.000 đồng/người/năm.

Tại phiên hòa giải ngày 18/11/2022, anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 thỏa thuận được anh Lù A D1 sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lù Thị D, Lù A TH đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Giàng Thị D2 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung là Lù Thị L đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do đó Tòa án nhân dân huyện Tam Đường đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị Giàng Thị D2, tại phiên tòa hôm nay chị Giàng Thị D2 vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cũng như các văn bản pháp lý liên quan. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2. Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, Lù A D1 sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lù Thị D, Lù A TH đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Giàng Thị D2 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lù Thị L đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Miễn nộp án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"*, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lù A D1 yêu cầu ly hôn, do vậy xác định đây là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn Giàng Thị D2 cư trú tại Bản Ngài Thầu Thấp, xã Khun Há, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Trước thời điểm mở phiên tòa, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 chung sống với nhau từ năm 2009, không đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 là hôn nhân không hợp pháp, đã vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi lấy nhau anh D1 và chị D2 chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 anh D1 và chị D2 phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay anh Lù A D1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D1 đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Giàng Thị D2. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được mâu thuẫn của vợ chồng anh D1, chị D2 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại chị D2 không mang thai và nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Quan hệ hôn nhân giữa anh D1, chị D2 là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D1, căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D1, chị D2.

[3]. Việc nuôi con: Anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 có 03 con chung là Lù Thị L, sinh ngày 15/11/2010; Lù Thị D, sinh ngày 27/7/2015; Lù A TH sinh ngày 11/12/2017.

Đối với cháu Lù Thị D, Lù Thị L đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của cháu Dinh được ở với anh D1 và cháu Linh có nguyện vọng được ở với chị D2, do vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận nguyện vọng của các cháu.

Tai biên bản lấy lời khai anh Lù A D1 khai đang ở nhà riêng và làm ruộng thu nhập một tháng 5.000.000 đồng, chị D2 khai đang ở cùng mẹ ruột và làm ruộng thu nhập một tháng 4.000.000 đồng, tuy nhiên anh D1, chị D2 đều không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho thu nhập của mình, do vậy Tòa án căn cứ vào thu nhập bình quân của lao động tại địa phương để làm căn cứ tính thu nhập của các bên đương sự thì cả hai anh chị đều có thu nhập để thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Hơn nữa, tại phiên hòa giải ngày 18/11/2022 anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 thỏa thuận được anh Lù A D1 sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lù Thị D, Lù A TH đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Giàng Thị D2 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lù Thị L đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong đơn xin xét xử vắng mặt của chị Giàng Thị D2 thể hiện chị D2 và anh D1 đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án nên không có ý kiến gì thêm. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4]. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án anh Lù A D1 xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh anh D1 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Lù A D1 thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều

273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lù A D1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2.

3. Việc nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Lù A D1 sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lù Thị D, sinh ngày 27/7/2015; Lù A TH sinh ngày 11/12/2017 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Giàng Thị D2 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lù Thị L, sinh ngày 15/11/2010 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lù A D1 và chị Giàng Thị D2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn anh Lù A D1.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi cục THADS huyện Tam Đường;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Tuyết